

TẠP CHÍ  
**Hoạt động  
khóa học**

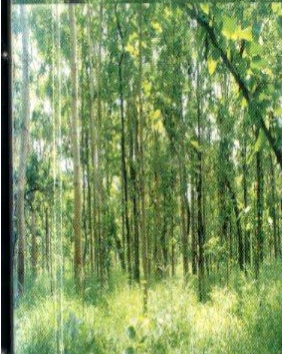
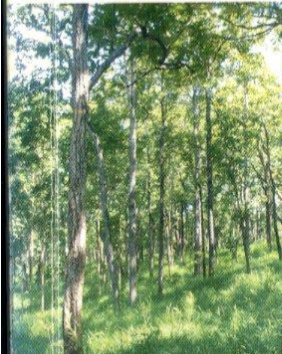
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ISSN 0866-7152

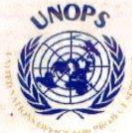
**11 (534)**

**2003**

Số đặc san



**10** NĂM VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN  
1992 - 2002



## TRONG SỐ NÀY

### TẦM QUAN TRỌNG CỦA VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN

#### Ngô Tiến Dũng

- Vườn quốc gia Yok Đôn và các giá trị bảo tồn.

#### Nguyễn Nghĩa Thìn, Ngô Tiến Dũng

- Tính đa dạng hệ thực vật Vườn quốc gia Yok Đôn.

#### C.I. Mc Quistan,

- Vườn quốc gia Yok Đôn, mười năm nhìn lại.

#### Huỳnh Thị Kim Hồi

- Kết quả nghiên cứu giun đất ở Vườn quốc gia.

#### Nguyễn Đức Tú, Lê Trọng Trải,

#### Đặng Ngọc Cảnh

- Các loài thú và chim ở Vườn quốc gia.

#### Trần Ngọc Ninh

- Đa dạng hệ sinh thái Vườn quốc gia Yok Đôn.

#### Hà Quý Quỳnh

- Sử dụng công nghệ hệ thống tin địa lý trong xây dựng bản đồ phục vụ nghiên cứu đa dạng sinh học Vườn quốc gia Yok Đôn, Đắk Lắk.

### VẤN ĐỀ BẢO TỒN

#### Nguyễn Kim Đào

- Hệ sinh thái rừng khộp, tiềm năng và triển vọng.

#### Đặng Huy Huỳnh, Hoàng Minh Khiên,

#### Đặng Huy Phương

- Bảo tồn, phát triển bền vững động vật hoang dã ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

#### Phạm Trọng Ảnh

- Kết quả sử dụng ảnh vệ tinh ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

#### Nguyễn Cử

- Xác định một số loài chim thuộc các đối tượng bảo tồn quan trọng ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

#### Hà Đình Đức

- Bò xám (bos sauveli) và các chuyến khảo sát bò xám ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

#### Đặng Thị Đáp

- Côn trùng cánh cứng ăn lá được phát hiện ở Đắk Lắk.

60

#### Ngô Văn Tri

- Khảo sát các loài linh trưởng tại Vườn quốc gia Yok Đôn.

65

#### 1 Nguyễn Thị Thu Hà

- Các loài cá ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

73

#### 5 NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

#### 14 Linh Nga Niê Kdam

- Luật tục các dân tộc bản địa Buôn Đôn với vấn đề môi trường.

77

#### 18 Bảo Huy, Lê Thị Lý, Võ Hùng, Cao Thị Lý, Nguyễn Thị Thanh Hương

- Nghiên cứu lập kế hoạch phát triển buôn Đrăng Phôk nội vùng Vườn quốc gia Yok Đôn.

80

#### 30 Hồ Viết Sặc, Bảo Huy, Nguyễn Đức Định, Nguyễn Thị Thanh Hương

- Xây dựng mô hình và bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm Vườn quốc gia Yok Đôn.

84

#### 33 Nguyễn Tiến, Lê Phú Hanh

- Quy hoạch sử dụng tài nguyên có sự tham gia của người dân tại xã Krông Na - huyện Buôn Đôn - tỉnh Đắk Lắk.

87

#### Hồ Văn Cử

- Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Yok Đôn.

90

#### 37 Bảo Huy, Cao Thị Lý, Võ Hùng

- Đề xuất các hoạt động phát triển lâm nghiệp tại Vườn quốc gia Yok Đôn.

998

#### 41 Lê Văn Khoa, Trần Thiện Cường, Võ Văn Minh

- Giáo dục bảo vệ môi trường và tính đa dạng sinh học ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

106

#### 45 Nguyễn Xuân Độ, Hoàng Thị Kim Dung, Nguyễn Hoàng Tùng

- Biến động đa dạng sinh học trong các vùng trồng cây công nghiệp lâu năm ở Đắk Lắk.

108

#### 47 Hoàng Thị Kim Dung

- Một số giải pháp quản lý rừng bền vững tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

115

56

### PHỤ LỤC

# XÂY DỰNG MÔ HÌNH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI CÂY THUỐC ở vùng đệm Vườn quốc gia Yok Đôn

## Development of a medicinal plant conservation model in the buffer zone of Yok Don National Park

HỒ VIỆT SẮC

Cục phát triển lâm nghiệp

PGS.TS. BẢO HUY

ThS. NGUYỄN ĐỨC ĐÌNH

ThS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Đại học Tây Nguyên

Bảo tồn tài nguyên cây thuốc cũng như kiến thức bản địa trong sử dụng thảo mộc để trị bệnh là một việc làm cần thiết. Ngoài việc điều tra phát hiện, thống kê để bảo tồn tài nguyên, công tác này còn giúp cho việc phát hiện và phát huy các kiến thức, kinh nghiệm dân gian trong sử dụng cây thuốc.

Vườn quốc gia (VQG) Yok Đôn là nơi bảo tồn hệ sinh thái rừng khộp cùng với các hệ sinh thái rừng bán thường xanh, thường xanh, các kiểu sinh thái sông suối, ngập nước. Chính vì sự đa dạng về sinh cảnh này đã chứa đựng sự phong phú của thực vật, đặc biệt là thực vật làm thuốc trị bệnh. Bên cạnh đó, sự đa dạng và giao thoa kiến thức, kinh nghiệm của nhiều cộng đồng dân tộc ở đây như M'Nông, Ê đê, Lào và Kinh đã tạo nên một kho tàng về tri thức sử dụng tài nguyên rừng trong điều trị bệnh. Phát hiện cả hai mặt thực vật dùng làm thuốc và kinh nghiệm dân gian trong quản lý, thu hoạch, chế biến thực vật để làm ra các bài thuốc là một vấn đề có ý nghĩa không chỉ hỗ trợ cho tiến trình bảo tồn thực vật mà còn bảo tồn và phát huy tác dụng các kiến thức, văn hoá đang được lưu truyền không thành văn này.

Kết quả của công trình nghiên cứu này góp phần bổ sung cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học cho VQG, đồng thời phát hiện và định hướng cho việc phát triển kiến thức sinh thái về cây thuốc của các cộng đồng dân tộc ít người sống trong vùng đệm. Đề tài được thực hiện trong 3 năm, từ 2002 đến 2004, trong năm 2002 tập trung chủ yếu vào việc phát hiện những kiến thức địa phương về sử dụng thảo mộc và sưu tập thực vật cây thuốc, hình thành bước đầu về danh mục các bài thuốc và cây thuốc.

The conservation of medicinal plants and the indigenous knowledge of their use for treatment of diseases is very important. In addition to cataloguing the resource base and assisting the conservation of these resources, this participatory approach also helps discover and strengthen traditional experience and knowledge in using medicinal plants.

Yok Don National Park was established to protect dry Dipterocarp forest, semi-evergreen forest, evergreen forest, streams and rivers. The diversity of this landscape itself contains a diversity of plants, especially medicinal plants. In addition, the diversity and experience of many ethnic minority groups in this area, such as M'Nong, Ede, Lao and Kinh, creates a treasure of knowledge in using forest resources for treatment of diseases. Discovery of both medicinal plants and traditional experience in managing, collecting and processing plants to make medicine is significant not only for supporting nature conservation but also conserving and strengthening the usage of knowledge and culture passed on by word of mouth.

Ongoing medicinal plant research started in 2002 and will continue until 2004. In 2002 the research focussed on documenting local knowledge of medicinal herb use and collecting medicinal plants specimens, thus forming a list of local treatments and medicinal plants. In addition, the results of this research supplements the database of biodiversity in Yok Don National Park.

## NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

### Đặt vấn đề.

Vấn đề bảo tồn tài nguyên cây thuốc cũng như kiến thức bản địa trong sử dụng thảo mộc để trị bệnh là một việc làm cần thiết. Ngoài việc điều tra phát hiện, thống kê để bảo tồn tài nguyên, công tác này còn giúp cho việc phát hiện và phát huy các kiến thức, kinh nghiệm dân gian trong sử dụng cây thuốc.

VQG Yok Đôn là nơi bảo tồn hệ sinh thái rừng khộp cùng với các hệ sinh thái rừng bán thường xanh, thường xanh, các kiểu sinh thái sông suối, ngập nước. Chính vì sự đa dạng về sinh cảnh này đã chứa đựng sự phong phú của thực vật, đặc biệt là thực vật làm thuốc trị bệnh. Bên cạnh đó sự đa dạng và giao thoa kiến thức, kinh nghiệm của nhiều cộng đồng dân tộc ở đây như M'Nông, Ê đê, Lào và Kinh đã tạo nên một kho tàng về tri thức sử dụng tài nguyên rừng trong điều trị bệnh. Phát hiện cả hai mặt thực vật dùng làm thuốc và kinh nghiệm dân gian trong quản lý, thu hoạch, chế biến thực vật để làm ra các bài thuốc là một vấn đề có ý nghĩa không chỉ hỗ trợ cho tiến trình bảo tồn thực vật mà còn bảo tồn và phát huy tác dụng các kiến thức, văn hoá đang được lưu truyền không thành văn này.

Kết quả của công trình nghiên cứu này góp phần bổ sung cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học cho VQG, đồng thời phát hiện và định hướng cho việc phát triển kiến thức sinh thái về cây thuốc của cộng đồng dân tộc ít người sống trong vùng đệm.

Đề tài được thực hiện trong 3 năm, từ 2002 đến 2004, trong năm 2002 tập trung chủ yếu vào việc phát hiện kiến thức địa phương về sử dụng thảo mộc và sưu tập cây thuốc, hình thành bước đầu về danh mục các bài thuốc và cây thuốc.

### Mục tiêu nghiên cứu.

Trong năm 2002, công trình nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau: Khảo sát, thu thập kiến thức của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong vùng đệm VQG Yok Đôn về các cây thuốc, bài thuốc dân gian, công dụng, cách thu hái, pha chế và sử dụng. Điều tra, mô tả hình thái, phân bố, sinh thái, định danh, lập danh lục, tiêu bản thực vật của các cây thuốc hiện diện trong VQG Yok Đôn và trong vùng đệm. Hệ thống hoá các bài thuốc, cây thuốc; xây dựng tập bài thuốc và cây thuốc thuận tiện cho việc tra cứu.

### Phương pháp, đối tượng, địa điểm nghiên cứu.

Các sinh cảnh, hệ sinh thái nghiên cứu là các kiểu rừng khác nhau trong vùng đệm và vùng lõi của VQG Yok Đôn: Rừng khộp, thường xanh, bán thường xanh, sinh cảnh ngập nước, ven sông, suối....

Cộng đồng dân tộc: Nghiên cứu kiến thức sử dụng cây thuốc của các cộng đồng dân tộc ít người sinh sống lâu đời ở vùng đệm như: Lào, Ê đê, M'Nông. Đã khảo sát 10 buôn thuộc 03 xã trong vùng đệm: Buôn Tul A, B thuộc xã Ea Wer; buôn Đôn, Đrăng Phôk, Jang Lành, Ea Mar, Ea Rông, Trĩ thuộc xã Krông Na; buôn Rêch, Nà Xược thuộc xã Ea Huar. Đối tượng tham gia cung cấp thông tin là

những người am hiểu về cây thuốc, người già và đại diện cho các dân tộc chính trong vùng. Trong 10 buôn đã có 72 người dân tham gia vào tiến trình cung cấp thông tin và khảo sát trên hiện trường.

Phương pháp nghiên cứu kiến thức, kinh nghiệm địa phương; Sử dụng phương pháp phỏng vấn kết hợp với quan sát và thảo luận để phát hiện các bài thuốc, cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm. Công việc này được tiến hành theo từng buôn, sử dụng phiếu điều tra bài thuốc, trong đó xác định cụ thể: Công dụng, thành phần cây thuốc, cách pha chế, cách sử dụng... Đối chiếu, kiểm tra chéo các nhóm cung cấp thông tin trong từng buôn và với các buôn khác nhau.

Phương pháp điều tra mô tả lấy tiêu bản cây thuốc: Dựa trên cơ sở các bài thuốc, cây thuốc đã phát hiện ở 10 buôn, cùng với người dân đi hiện trường để lấy tiêu bản và mô tả hình thái, sinh thái, phân bố thực vật. Sử dụng phiếu mô tả cây thuốc lấy tiêu bản để ghi chép các thông tin về tên cây (kinh, dân tộc, khoa học), mô tả hình thái, sinh cảnh.

Áp dụng phương pháp điều tra theo tuyến và điển hình theo từng sinh cảnh để điều tra thực vật.

Lấy tiêu bản: Mỗi loài được chụp ảnh kỹ thuật số, lấy các bộ phận lá, hoa quả, rễ, vỏ, cành.

Phương pháp tổng hợp: Thống kê, tổng hợp các bài thuốc theo từng nhóm công dụng, xây dựng tập bài thuốc bao gồm: Loài cây, cách pha chế, cách sử dụng. Tập hợp danh lục cây thuốc theo mã số loài cây để tiện tra cứu theo bài thuốc; lập danh lục cây thuốc.

Tiêu bản thực vật được xây dựng dưới 02 hình thức: Ảnh kỹ thuật số lưu trữ trong CD, in ấn và mẫu vật được ép nhựa; tiêu bản được mã số để tra cứu theo bài thuốc, ghi tên loài.

### Kết quả nghiên cứu.

**Bảng 1: Thống kê số bài thuốc theo nhóm công dụng**

| STT | Nhóm công dụng                                         | Số bài thuốc |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Các bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh                  | 28           |
| 2   | Các bài thuốc trị sốt, sốt rét, hạ nhiệt               | 22           |
| 3   | Các bài thuốc bồi bổ sức khoẻ, an thần                 | 8            |
| 4   | Các bài thuốc trị mỗi mệt, đau nhức lưng, khớp         | 5            |
| 5   | Các bài thuốc trị rắn, rết, bò cạp cắn                 | 4            |
| 6   | Các bài thuốc trị ho, hen, cảm                         | 6            |
| 7   | Các bài thuốc trị mụn nhọt, dị ứng, bỏng               | 9            |
| 8   | Các bài thuốc trị đau bụng, tiêu chảy, kiết lỵ, bao tử | 30           |
| 9   | Các bài thuốc trị đau răng, sâu răng                   | 3            |
| 10  | Các bài thuốc trị đau thận, đau lưng, bí tiểu          | 6            |
| 11  | Các bài thuốc cầm máu vết thương, máu cam              | 4            |
| 12  | Các bài thuốc trị phù thũng                            | 1            |
| 13  | Các bài thuốc trị bại liệt, tê liệt chân tay           | 2            |
| 14  | Các bài thuốc trị đau mắt                              | 1            |
| 15  | Các bài thuốc trị bệnh gan                             | 2            |
|     | Tổng                                                   | 131          |

## NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

Kết quả khảo sát trong 10 buôn với 03 nhóm dân tộc chính là Lào, Ê đê và M'Nông đã phát hiện 231 bài thuốc, với 15 nhóm công dụng khác nhau. Mỗi bài thuốc xác định các thành phần cây, tên cây (kinh, dân tộc), công dụng và bộ phận sử dụng trên cây. Tổng hợp 10 buôn, sau khi thẩm định, kiểm tra chéo, trùng lặp đã xác định chính thức 131 bài thuốc theo 15 nhóm công dụng (bảng 1 trang 84).

131 bài thuốc trong 15 nhóm công dụng nói trên được ghi chép, tổng hợp trong tập Bài thuốc - Cây thuốc. Mỗi bài ghi rõ thành phần cây, bộ phận lấy trên cây, cách pha chế, cách sử dụng. Cây thuốc trong từng bài được mã số, và một danh lục cây thuốc đã được lập theo mã số để tra cứu theo bài thuốc. Cây thuốc được mô tả tên cây, hình thái, sinh thái, phân bố và hình ảnh kèm theo.

Từ kết quả điều tra này cho thấy cộng đồng dân tộc ít người có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc hết sức phong phú, các bài thuốc đa dạng và đề cập đến hầu hết các bệnh thông thường gặp. Hầu hết các bài thuốc tập trung vào các bệnh của phụ nữ sau khi sinh, bệnh tiêu chảy và bệnh sốt rét. Điều này cũng dễ hiểu, vì đây là các bệnh rất phổ biến ở vùng sâu vùng xa và đồng bào đã biết sử dụng thảo mộc để tự điều trị cho mình. Cùng một loại bệnh nhưng có thể có nhiều bài thuốc khác nhau, điều này do kinh nghiệm khác nhau của các dân tộc. Kết quả tổng hợp cho thấy sự phong phú và đa dạng trong kinh nghiệm sử dụng cây thuốc ở các nhóm cộng đồng dân tộc ít người.

Mỗi bài thuốc có thể pha chế từ 01 đến 06 cây. Một cây thuốc cũng có thể sử dụng ở nhiều bài thuốc có công dụng khác nhau. Do đó việc mã số cây thuốc là hữu ích và tiện cho việc tra cứu. Cách pha chế khá đơn giản, dễ làm và nhanh chóng. Có bài thuốc chỉ dùng cây tươi, có bài phải sao vàng hạ thổ, có bài nấu nước, giã đắp....

Danh lục cây thuốc: Đề tài đã thống kê, mô tả, lấy mẫu được 120 loài thực vật làm thuốc thuộc 95 chi, 53 họ và 32 bộ. Danh lục cây thuốc được ghi nhận trong tập Bài thuốc - Cây thuốc, được mô tả hình thái, sinh thái, phân bố, chụp ảnh. Mỗi loài cũng được thu và làm tiêu bản, ép nhựa kèm theo mã số cây, tên loài (kinh, dân tộc, khoa học).

Trong 120 loài làm thuốc đã phát hiện có khoảng 45% loài cây gỗ, 32% loài thân thảo và 23% là dây leo. Điều này cho thấy thảo mộc được sử dụng làm thuốc khá đa dạng về chủng loại, dạng sống. Bộ phận sử dụng lại càng đa dạng hơn, có loài dùng được cả cây (lá, hoa, quả, vỏ, rễ...), có loài chỉ dùng lá, vỏ, cành, hạt, rễ..., đặc biệt có loài chỉ dùng phần nước, nhựa trong cây để làm thuốc.

Phân bố và mức độ phong phú các loài cây thuốc: Với 120 loài nằm trong 53 họ nên phân bố của chúng khá rộng, ở nhiều sinh cảnh, kiểu rừng khác nhau: Ở rừng kín lá rộng thường xanh trên núi Yok Đôn; phân bố trong các kiểu rừng bằng lũng nửa rụng lá; trong rừng khộp; trong các trảng cỏ, cây bụi; ven sông suối.

Phân bố của mỗi loài theo sinh cảnh, kiểu rừng được mô tả trong danh lục cây thuốc và thống kê trong bảng 2.

**Bảng 2: Phân bố loài cây thuốc theo sinh cảnh, kiểu rừng**

| STT | Sinh cảnh, kiểu rừng                   | Số loài |
|-----|----------------------------------------|---------|
| 1   | Rừng khộp                              | 53      |
| 2   | Ven sông suối, đầm lầy                 | 21      |
| 3   | Rừng nửa rụng lá                       | 17      |
| 4   | Rừng lá rộng thường xanh (núi Yok Đôn) | 17      |
| 5   | Trảng cây bụi                          | 12      |
|     | Tổng cộng                              | 120     |

Các cây thuốc phân bố trên 05 sinh cảnh chính thuộc khu vực VQG, trong đó tập trung vào rừng khộp. Điều này chứng tỏ rừng khộp cũng cung cấp một số lượng lớn các loài cây thuốc đa dạng. Đặc biệt cần lưu ý là các sinh cảnh ven sông suối, đầm lầy trong khu vực rừng khộp đã tạo nên sự phong phú về hệ thực vật và cung cấp khá nhiều loài cây làm thuốc. Rừng nửa rụng lá và rừng thường xanh chiếm diện tích không nhiều trong khu vực vườn nhưng cũng cung cấp một số loài làm thuốc quan trọng.

Riêng mức độ phong phú, mật độ của từng loài mới chỉ được khảo sát bước đầu trong năm 2002. Vấn đề này sẽ được giải quyết chi tiết vào năm 2003 thông qua điều tra, rút mẫu và ước lượng cho từng kiểu rừng, trạng thái.

### Kết luận và kiến nghị.

Từ kết quả điều tra khảo sát ở 10 buôn thuộc vùng đệm và các khu rừng trong khu vực VQG Yok Đôn cho thấy: Những kiến thức địa phương về sử dụng thảo mộc làm thuốc rất phong phú và đa dạng. Việc sưu tầm, phát hiện các kiến thức này là rất quan trọng, góp phần bảo tồn và phát triển kiến thức bản địa và cung cấp thông tin cho y học trong việc sưu tầm, sử dụng các giá trị to lớn của thực vật trong chế biến thuốc. Nhiều bài thuốc dân gian được phát hiện có giá trị như điều trị bệnh cho phụ nữ sau khi sinh, chữa rắn cắn, bệnh về thận, gan. Các bài thuốc về cây thuốc này cần được phân tích hoá học, sinh học tế mĩ hơn để phát hiện thành phần được liệu chính. Nhiều loài cây được phát hiện và bổ sung vào danh lục thực vật cho VQG, một số loài chưa định danh được tên kinh nhưng đã xác định được tên gọi theo tiếng dân tộc.

Tóm lại, các kết quả nghiên cứu trong năm 2002 đã phát hiện khá toàn diện các bài thuốc có giá trị trong đời sống cộng đồng và được tập hợp đầy đủ, rõ ràng trong tập Bài thuốc - Cây thuốc, rất tiện cho việc sử dụng, tra cứu, phân loại.

Các bước nghiên cứu tiếp theo trong năm 2003 và 2004 cần quan tâm nghiên cứu sâu hơn các vấn đề: Giải pháp bảo tồn và phát triển một số loài cây làm thuốc có giá trị, quý hiếm. Cần sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia để phát hiện mối quan tâm của cộng đồng trong việc lựa chọn các loài cây bảo tồn và thử nghiệm phát triển. Đánh giá tiềm năng và mức độ phong phú của một số loài quan trọng trong từng kiểu rừng, sinh cảnh để có giải pháp tổ chức quản lý, kinh doanh, tạo thu nhập cho cư dân vùng đệm từ cây thuốc.